

RFID 卡 NFC 卡 卡:

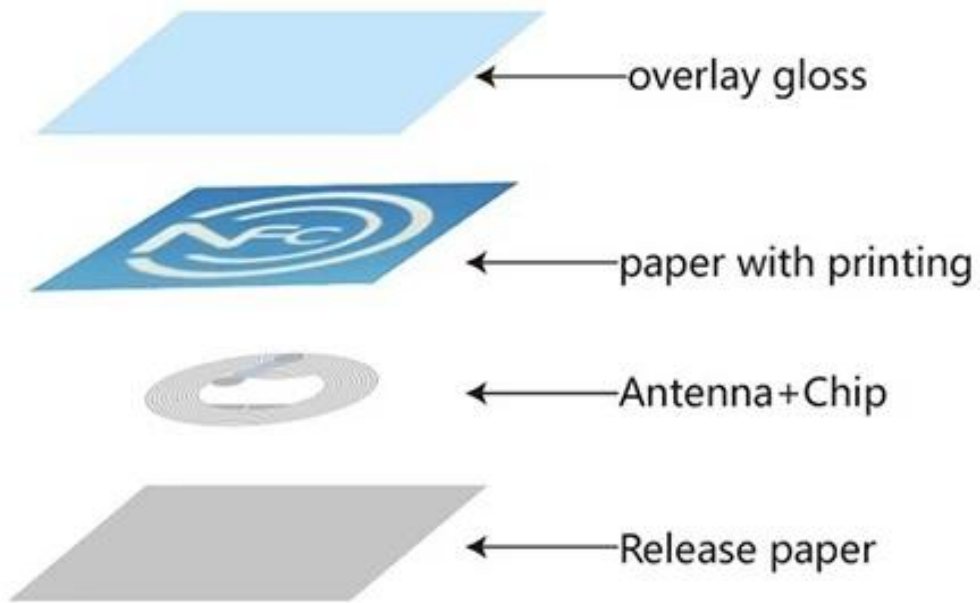
NFC 卡 NFC 卡 卡 NFC 卡 卡. NFC 卡 卡 卡 NFC 卡 卡 卡. NFC 卡 卡 卡, 卡 卡 卡. NFC 卡 卡 卡 卡 卡 卡 卡 卡 卡. NFC 卡 卡 卡 卡 卡.



RFID 卡 NFC 卡 卡:

RFID 卡	RFID 卡 NFC 卡
RFID 卡	PVC/PET/PP
RFID 卡	25mm, 30mm, 35*35mm, 35*26mm, 40*25mm, 50*50mm 卡 卡 卡
RFID 卡	13.56MHz/HF
RFID 卡	ISO 14443A
RFID 卡	NXP Mifare 1k, NXP 卡, 卡 C, Ntag 213/215/216 卡
RFID 卡	卡 卡, 卡 卡, 卡 卡
RFID 卡	卡 卡; 卡 卡, 卡, QR 卡 卡 UID 卡 卡 卡/卡 卡;
RFID 卡 卡	100 PC/OPP 卡, 1000 PC/卡, 10卡 卡/卡, 卡 卡 卡 卡 卡
RFID 卡	卡 卡 7-9

NFC Tag Structure



Package

Packed in piece with Opp bag



Packed in roll: 1000-5000pcs in roll



NFC Application

